

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2020/HSST

Ngày 12-8- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Vân

Bà Nguyễn Thị Loan

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 216/2020/HSST, ngày 15 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Hữu L, sinh năm 1982.

HKTT: Chung cư C5, MBQH 530 phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trường Th, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị S, sinh năm 1959; Có vợ là Tạ Thị L; Có 01 con sinh năm 2007; Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/12/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Ngày 13/5/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù giam về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”; 07/3/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Ngày 20/4/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2018.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 08/4/2020 đến ngày 11/4/2020 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12h40 phút ngày 08/4/2020, Công an phường Đ, thành phố H kiểm tra hành chính tại Cửa hàng Internet ở số phố Q, phường Đ, thành phố H của Lê Văn Th thì phát hiện Th có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ của Th 01 túi nilong KT (4x6)cm, bên trong có các hạt tinh thể màu trắng. Lê Văn Th khai nhận đây là ma túy tổng hợp, Th mua của Lê Hữu L với mục đích để sử dụng dần.

Căn cứ vào lời khai của Lê Văn Th, Cơ quan điều tra Công an thành phố H đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Hữu L. Tại đây, cơ quan điều tra đã thu giữ 01 túi nilong (dạng túi zip) KT (11,5x0,8)cm, bên trong chứa các chất dạng bột, viên nén màu hồng nghi là ma túy tổng hợp; 01 túi nilong màu trắng viền xanh KT (2,5x3)cm, bên trong có tám các hạt liti dạng tinh thể màu trắng; 96 túi nilong màu trắng viền xanh KT (3,5x3,5)cm; 08 túi nilong màu trắng viền xanh KT (4,5x5)cm; 01 túi nilong màu trắng viền xanh tại bàn trang điểm trong phòng ngủ; 01 túi nilong màu trắng viền xanh ở đầu đệm phòng ngủ, bên trong túi có tám chất bột tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ cuộn tròn thành ống, được cố định bằng vỏ ngoài đầu tẩu thuốc lá màu vàng tại ngăn bàn trang điểm; 01 đĩa sứ màu trắng và tờ tiền mệnh giá 20.000đ cuộn tròn thành ống, được cố định bằng vỏ ngoài đầu tẩu thuốc lá màu vàng tại ô thoáng nhà vệ sinh. L khai nhận là ma túy.

Tại cơ quan điều tra, Lê Hữu L khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy nên đã tàng trữ số ma túy trên để sử dụng dần. Đối với túi nilong bên trong chứa các chất dạng bột, viên nén màu hồng là do L được một người bạn tên H ở Hà Nội cho khoảng 01 năm trước. Số ma túy còn lại là L mua cách đây 02 tháng của một người thanh niên không quen biết khoảng 30 tuổi tại bến xe phía Nam thành phố H với giá 1.000.000đ để sử dụng. Ngoài ra, L không biết số ma túy Th mua của ai, bản thân L không bán ma túy cho Th.

Tại kết luận giám định số 1133/MT-PC09 ngày 09/4/2002 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa đã kết luận:

- Chất bột màu hồng (dạng viên nén bị vỡ vụn) trong 01 túi nilong màu trắng của phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 3,242g, loại MDMA.

- Chất bột tinh thể màu trắng tám dỉnh trong túi nilong màu trắng viền xanh KT (2,5x3)cm của phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 0,003g, loại Ketamine;

- Chất bột tinh thể màu trắng tám dỉnh trong túi nilong màu trắng viền xanh KT (4,5x5)cm của phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 0,006g, loại Ketamine;

- Chất bột tinh thể màu trắng tám dỉnh trong 02 đầu ống của tờ tiền mệnh giá 10.000đ của phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 0,002g, loại Ketamine;

- Chất bột tinh thể màu trắng bám dính trong 02 đầu ống của tờ tiền mệnh giá 20.000đ của phong bì niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy, có tổng trọng lượng 0,002g, loại Ketamine.

Căn cứ lời khai của L, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Th và L, L không thừa nhận đã bán ma túy cho Th nên không có đủ căn cứ để xử lý L về hành vi mua bán ma túy này. Hiện Lê Văn Th đã bị Công an thành phố H khởi tố bị can về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy trong vụ án khác.

Đối với người thanh niên bán ma túy cho L và người tên H ở Hà Nội cho L ma túy do L khai không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với số túi nilon màu trắng viền xanh, qua xác minh không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Lê Thị X ở số 323 Q, phường Đ, thành phố H.

Tại cáo trạng số 207/CT-VKS, ngày 14/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố Lê Hữu L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Lê Hữu L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Hữu L mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Hữu L thừa nhận: Vào khoảng 15h 05 phút ngày 08/4/2020, tại phòng 707 A2 chung cư C5, MBQH 530 phường Đ, thành phố H; Tổ công tác điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Hữu L, bắt quả tang L có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng. Theo kết luận giám định tang

vật thu giữ của L là ma túy trọng lượng 3,242g, loại MDMA và 0,013g loại Ketamine.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lê Hữu L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo biết rõ ma túy là một trong những tệ nạn nguy hiểm cho xã hội, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng đến đời sống của nhiều gia đình. Ma túy đã làm kiệt quệ về sức khỏe và tài sản, là nguyên nhân làm gia tăng tội phạm, gây lan truyền căn bệnh HIV/ADS. Do nghiện ma túy nên bị cáo đã tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý về các chất gây nghiện của Nhà nước và còn gây mất trật tự trị an xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử nhiều lần liên quan đến ma túy.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra truy tố và tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; Bản thân bị cáo bị nhiễm HIV, trước khi bị bắt đang điều trị bệnh tại Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS Thanh Hóa nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Với tính chất vụ án nghiêm trọng, xét cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới đủ điều kiện cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định là mặt hàng Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hữu L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Lê Hữu L 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/4/2020.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu huỷ Một phong bì ma túy niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, được đóng dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong chứa 2,937g MDMA còn lại sau giám định và 01 đĩa sứ màu trắng đã cũ.

Hiện số tang vật và tài sản đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H theo biên bản giao nhận vật chứng số 192A/THA ngày 03/8/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H với Công an thành phố H.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Bị cáo Lê Hữu L phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trương Thị Anh